

Hà Nội, ngày 15 tháng 7 năm 2026

Số: NN1N-03/DBQG

BẢN TIN DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC THỜI HẠN NĂM
KHU VỰC BẮC BỘ, TRUNG BỘ VÀ NAM BỘ
(Từ tháng 07/2026 đến tháng 06/2027)

1. Lưu vực sông Hồng

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa: Phổ biến 1500-2500mm, có nơi cao hơn; đặc biệt tại Hà Giang (Tuyên Quang) 2962mm.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên sông Thao: Từ tháng 7 đến tháng 10/2025 đã xảy ra nhiều đợt lũ, trong đó có 02 đợt lũ lớn và đặc biệt lớn với đỉnh lũ lớn nhất tại trạm Yên Bái là 34,39m (lúc 11h/30/09) trên BĐ3 2,39m. Trong tháng 11/2025 đã xuất hiện 01 đợt lũ và 02 đợt dao động với biên độ nước lên từ 1-3m. Từ tháng 12/2025-3/2026, dòng chảy biến đổi chậm theo xu thế giảm. Từ tháng 4 đến tháng 6 năm 2026 dòng chảy biến đổi chậm theo xu thế tăng dần. Trong tháng 5, xuất hiện 3 đợt dao động nhỏ với biên độ nước lên từ 1-1,9m. Trong tháng 6, xuất hiện 01 đợt lũ với biên độ nước lên từ 1,5-3m trong thời kỳ đầu và 01 đợt dao động với biên độ 0,5-1m. Tháng 7, tính đến ngày 15/7 dòng chảy trên sông Thao xuất hiện 02 đợt lũ nhỏ với biên độ lên 2-3m. Trong 12 tháng qua, tổng lượng dòng chảy trên sông Thao tại trạm Yên Bái thấp hơn TBNN cùng kỳ 40%. + Trên sông Đà: Dòng chảy đến hồ Hòa Bình đã xuất hiện 5 đợt dao động và 1 đợt lũ, đỉnh lũ đến hồ Hòa Bình đã đạt đỉnh ở mức 11247 m ³ /s (lúc 21h/29/9), dưới BĐ3 753 m ³ /s. Từ tháng 11/2025 đến tháng 06/2026, dòng chảy đến hồ Hòa Bình phổ biến dao động theo điều tiết của thủy điện Sơn La. Tổng lượng dòng chảy đến hồ Hòa Bình tương đương TBNN. + Trên sông Lô: Trong tháng 6/2025, mực nước trên sông Lô tại Tuyên Quang đã xuất hiện 01 đợt lũ với đỉnh lũ đạt 20,34m (lúc 1h/29/6), biên độ 3,79m. Từ tháng 7-9/2025 là thời kỳ mùa lũ, mực nước tại Tuyên Quang có dao động và xuất hiện 01 đợt lũ với đỉnh lũ là 26,34m (lúc 4h/02/10) trên BĐ3 0,34m, dưới mức lũ lịch sử 5,03m. Từ cuối tháng 10 đến đầu năm 2026, dòng chảy trên sông Lô dao động và chịu ảnh hưởng của điều tiết thủy điện tuyến trên. Thời kỳ này có 2 đợt các hồ chứa thủy điện Tuyên Quang điều tiết tăng xả lấy nước đổ ải cho vụ Đông Xuân năm 2025-2026 trong 02 đợt: từ ngày 16-20/1/2026 và từ ngày 29/1-4/2/2026 nên lượng dòng chảy trên sông Lô xuất hiện 02 đợt dao động. Cuối tháng 6/2026 dòng chảy trên sông Lô có 01 đợt dao động do mưa trên lưu vực nhưng mực nước vẫn dưới BĐ1. Tổng lượng dòng chảy trên sông Lô tại trạm Tuyên Quang thấp hơn TBNN 40%. + Trên sông Hồng: từ tháng 6-10/2025 là thời kỳ mùa lũ chính vụ, trên sông Hồng đã xảy ra 7 trận lũ, trong đó có 4 trận lũ với biên độ lũ lớn hơn 2,0m và 3 trận lũ biên độ nhỏ hơn 2,0m, trận lũ lớn nhất xảy ra từ ngày 28/9-2/10, đỉnh lũ tại trạm Hà Nội đạt đỉnh 9,56m

(22h/01/10) trên BĐ1 là 0,06m, trong đợt lũ này hồ Hòa Bình mở 2 cửa xả đáy, hồ Tuyên Quang mở hết 08 cửa xả đáy, hồ Thác Bà mở hết 03 cửa xả mặt. Trong thời kỳ mùa cạn (từ tháng 11/2025-05/2026) mực nước hạ lưu sông Hồng, tại trạm Hà Nội biến đổi chậm, chịu ảnh hưởng điều tiết phát điện của thủy điện tuyến trên và chịu ảnh hưởng của chế độ thủy triều. Thời kỳ này có 2 đợt các hồ chứa thủy điện lớn (Hòa Bình, Tuyên Quang, Thác Bà) điều tiết tăng xả lấy nước đổ ải cho vụ Đông Xuân năm 2025-2026 đợt 1: từ 16-20/1/2026; đợt 2: từ 29/1-4/2/2026. Sang tháng 6/2026, trên sông Hồng tại trạm Hà Nội đã xuất hiện một đợt lũ nhỏ với biên độ nước lên là 1,6m và mực nước cao nhất là 4,44m (5h/03/07) do ảnh hưởng của mưa lớn trên khu vực thượng lưu và ảnh hưởng điều tiết của thủy điện tuyến trên (thủy điện Tuyên Quang mở 1 cửa xả đáy lúc 16h/01/07). Trong 12 tháng qua, tổng lượng dòng chảy trên sông Hồng tại trạm Hà Nội cao hơn TBNN cùng kỳ 24%.

b. Dự báo, cảnh báo

- Tổng lượng mưa: Phổ biến 1400-2400mm, có nơi cao hơn

- Tổng lượng dòng chảy:

+ Trên sông Thao: mùa lũ chính vụ trên sông Thao tập trung chủ yếu từ tháng 7-9/2026 và có khả năng xuất hiện 7-9 đợt lũ; từ tháng 10-12/2026 mực nước có dao động và biến đổi chậm theo xu thế xuống dần. Từ tháng 01-04/2027 mực nước tiếp tục biến đổi chậm do vào thời kỳ mùa cạn hàng năm; từ tháng 5 đến tháng 6 năm 2027 là thời kỳ đầu mùa lũ nên dòng chảy sông Thao sẽ tăng dần và có khả năng xuất hiện 2-3 dao động. Tổng lượng dòng chảy trên sông Thao tại trạm Yên Bái thấp hơn TBNN là khoảng 42%.

+ Trên sông Đà: từ tháng 07-09/2026, dòng chảy đến hồ Hòa Bình sẽ tăng do là thời kỳ lũ chính vụ và có khả năng xuất hiện 4-5 đợt lũ với lưu lượng dòng chảy đạt mức BĐ1 đến BĐ2 do ảnh hưởng của mưa trên lưu vực. Từ tháng 10/2026 đến tháng 04/2027, dòng chảy đến hồ Hòa Bình phổ biến dao động theo điều tiết của thủy điện Sơn La và phổ biến thấp hơn TBNN từ 5 – 20%; từ tháng 5-7/2027, dòng chảy đến hồ Hòa Bình dao động theo điều tiết của thủy điện Sơn La và ảnh hưởng của mưa trên lưu vực. Tổng lượng dòng chảy đến hồ Hòa Bình trong 12 tháng tới có khả năng ở mức thấp hơn TBNN khoảng 10%.

+ Trên sông Lô: từ tháng 7/2026 đến đầu tháng 10/2026 là thời kỳ lũ chính vụ nên trên lưu vực có khả năng xuất hiện 2-3 trận lũ với mực nước tại trạm Tuyên Quang đạt mức BĐ1-BĐ2. Từ tháng 11/2026 đến tháng 5/2027 là thời kỳ mùa cạn, mực nước trên sông Lô biến đổi chậm và chịu điều tiết của thủy điện tuyến trên. Thời kỳ này có 2 đợt hồ chứa thủy điện Tuyên Quang điều tiết tăng xả lấy nước đổ ải cho vụ Đông Xuân năm 2026-2027 nên mực nước hạ lưu sông Lô sẽ có dao động tăng trong thời kỳ này. Tổng lượng dòng chảy sông Lô tại Tuyên Quang 12 tháng tới thấp hơn TBNN 46%.

+ Trên sông Hồng: Trong thời kỳ lũ chính vụ từ tháng 7-10/2026, trên sông Hồng có khả năng xuất hiện 3-4 đợt lũ. Từ tháng 11/2026 đến tháng 5/2027 là thời kỳ mùa cạn, mực nước hạ lưu sông Hồng sẽ biến đổi chậm và chịu điều tiết của thủy điện tuyến trên. Thời kỳ này khả năng có 2 đợt các hồ chứa thủy điện lớn (Hòa Bình, Tuyên Quang, Thác Bà) điều tiết tăng xả lấy nước đổ ải cho vụ Đông Xuân năm 2026-2027 nên mực nước hạ lưu sông Hồng sẽ có dao động tăng trong thời kỳ này. Tổng lượng dòng chảy trên sông Hồng tại trạm Hà Nội dự báo cao hơn TBNN cùng kỳ 14%.

2. Lưu vực sông Thái Bình

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa: Phổ biến 1600-2200mm; có nơi cao hơn; đặc biệt tại Thái Nguyên 2356mm, ...
- Tổng lượng dòng chảy: + Từ tháng 07/2025 đến nửa đầu tháng 10/2025 là thời kì thời kì mùa lũ chính vụ năm 2025, trên hệ thống sông Thái Bình đã xuất hiện lũ lớn vượt lịch sử và một số đợt lũ nhỏ. Tình hình dòng chảy trên các sông lưu vực sông Thái Bình từ tháng 7/2025 đến 6/2026 cụ thể như sau: + Cuối tháng 9/2025 - đầu tháng 10/2025 (từ ngày 29/9-9/10), trên các sông ở khu vực Bắc Bộ đã xuất hiện 01 đợt lũ lớn và lũ lịch sử trên diện rộng nhiều sông khu vực Bắc Bộ. Đỉnh lũ trên sông Cầu, sông Thương, sông Lục Nam, sông Thái Bình; đã vượt mức báo động (BD3). Trạm Cầu Gia Bảy 29,90m (3h/8/10/2025) cao hơn lịch sử 1,09m; Trạm Cầu Sơn 18,37m (2h/9/10/2025) cao hơn lịch sử 0,95m. + Cuối tháng 10/2025 - 4/2026 là thời kì mùa khô ở Bắc Bộ, mực nước các sông trên lưu vực sông Thái Bình đều hạ thấp dần, hạ lưu các sông biến đổi chậm và dao động theo thủy triều. + Tháng 5-6/2026 mực nước các trạm thượng lưu sông lưu vực sông Cầu, sông Lục Nam có 1-2 đợt dao động nhưng đều dưới BD1, hạ lưu các sông biến đổi chậm và dao động theo thủy triều. + Tổng lượng dòng chảy trên sông Cầu tại trạm Gia Bảy ở mức cao hơn TBNN 180%. + Tổng lượng dòng chảy trên sông Lục Nam tại trạm Chũ ở mức cao hơn so với TBNN 91%
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
- Tổng lượng mưa: Phổ biến 1200-2200mm, có nơi cao hơn
- Tổng lượng dòng chảy: + Từ giữa tháng 7-2026 đến tháng 9/2026 dòng chảy tại các trạm lưu vực sông Thái Bình sẽ tăng do giai đoạn này là thời kì mùa mưa, mùa lũ chính vụ. Tổng lượng dòng chảy tăng và cao hơn TBNN. + Từ tháng 10/2026 đến tháng 06/2027, dòng chảy đến các sông sẽ giảm dần xuống mức thấp hơn lưu lượng dòng chảy trung bình cả năm. Mực nước trên các sông sẽ xuống dần, hạ lưu chịu ảnh hưởng mạnh của thủy triều. Tổng lượng dòng chảy từ tháng 07/2026 đến tháng 06/2027 như sau: + Trên sông Cầu tại trạm Gia Bảy có khả năng cao hơn mức TBNN 58% + Trên sông Lục Nam tại trạm Chũ có khả năng cao hơn mức TBNN 36%.

3. Các lưu vực sông thuộc khu vực Bắc Trung Bộ

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa: Phía Bắc phổ biến từ 2200-3200mm, có nơi cao hơn, như tại Hà Tĩnh 3472mm; Phía Nam từ 2900-4600mm, có nơi cao hơn, như tại Nam Đông 5803mm.
- Tổng lượng dòng chảy: - Các sông từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh:

Trong tháng 7/2025, các sông ở Thanh Hóa, Nghệ An xuất hiện lũ tập trung từ ngày 21-22/7 với mực nước đỉnh lũ trên các sông ở Thanh Hóa ở mức BĐ1-BĐ2, hạ lưu còn dưới mức BĐ1; trung thượng lưu các sông ở Nghệ An đều trên mức BĐ3, một số trạm vượt mức lũ lịch sử, tại các trạm vùng hạ lưu sông Cả ở mức BĐ1 và trên BĐ1. Trong tháng 8, khu vực xuất hiện 3 đợt lũ vào các ngày 01-02/8, ngày 25-27/8 và ngày 30-31/8; mực nước cao nhất tháng trên các trạm chính phổ biến ở mức BĐ1-BĐ2, có nơi trên BĐ2. Trong tháng 9, từ ngày 26-30/9, trên các sông từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh đã xuất hiện một đợt lũ, mực nước đỉnh lũ trên phần lớn các sông ở Thanh Hóa, Nghệ An và sông Ngàn Phố ở mức BĐ3 và trên BĐ3; hạ lưu sông Cả, sông Chu ở mức BĐ2-BĐ3; hạ lưu sông La, sông Ngàn Sâu ở mức BĐ1-BĐ2

Lưu lượng dòng chảy trong các tháng 8-9/2025, trên các sông từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh phổ biến cao hơn TBNN cùng kỳ từ 7-60%, trên sông Mã tại Cẩm Thủy cao hơn TBNN cùng kỳ khoảng 89% trong tháng 7; riêng sông Ngàn Phố tại trạm Sơn Diệm thấp hơn khoảng 25% trong tháng 7 và sông Cả tại trạm Yên Thượng thấp hơn 22% trong tháng 9.

Trong những ngày đầu tháng 10, mực nước các sông ở Nghệ An, Hà Tĩnh giảm dần. Mực nước thượng lưu các sông ở Thanh Hóa biến đổi chậm, trung lưu dao động theo điều tiết hồ chứa, hạ lưu biến đổi theo triều. Trong tháng 11, mực nước thượng lưu các sông biến đổi chậm theo xu thế xuống dần; riêng sông Ngàn Sâu, Ngàn Phố xuất hiện 3 đợt lũ vừa nhỏ, mực nước đỉnh lũ lớn nhất trong tháng 11 trên sông Ngàn Sâu ở mức BĐ1-BĐ2 và trên BĐ2; trung lưu các sông dao động theo điều tiết hồ chứa, hạ lưu biến đổi theo triều. Trong tháng 12/2025, mực nước thượng lưu các sông biến đổi chậm theo xu thế xuống dần, trung lưu dao động theo điều tiết hồ chứa, hạ lưu biến đổi theo triều.

Trong tháng 10-12/2025, lưu lượng dòng chảy trên các sông ở Thanh Hóa phổ biến cao hơn TBNN cùng kỳ từ 29-88%, các sông ở Nghệ An xấp xỉ TBNN, các sông ở Hà Tĩnh: sông Ngàn Sâu thấp hơn 18% trong tháng 10 và cao hơn từ 16-108% trong tháng 11-12%; sông Ngàn Phố thấp hơn khoảng từ 50-62% trong tháng 10 và 12 và cao hơn trong tháng 11.

Trong tháng 01-04/2026, mực nước thượng lưu các sông biến đổi chậm, trung lưu dao động theo điều tiết hồ chứa, hạ lưu dao động theo triều. Lưu lượng dòng chảy trên các sông giảm dần. Tổng lượng dòng chảy trên sông Mã tại trạm Cẩm Thủy cao hơn TBNN cùng kỳ từ 10-35%, sông Cả tại trạm Yên Thượng cao hơn từ 11-33%, sông Ngàn Sâu tại trạm Hòa Duyệt cao hơn từ 5-40%, sông Ngàn Phố tại trạm Sơn Diệm thấp hơn từ 61-87%.

Trong tháng 05-06/2026, lưu lượng dòng trên các sông giảm dần. Tổng lượng dòng chảy trên sông Mã tại trạm Cẩm Thủy cao hơn 18% trong tháng 5 và thấp hơn 31% trong tháng 6, sông Cả tại trạm Yên Thượng thấp hơn từ 18-50%, sông Ngàn Sâu tại Hòa Duyệt thấp hơn từ 5-50%, sông Ngàn Phố tại trạm Sơn Diệm thấp hơn từ 76-98%.

+ Các sông từ Quảng Trị đến Tp. Huế:

Từ tháng 07-08/2025, trên các sông trong khu vực đã xuất hiện 2 đợt lũ vào các ngày từ 25-27/8 và từ 30-31/8. Đỉnh lũ cao nhất ở mức BĐ1-BĐ2, riêng trên sông Kiến Giang tại trạm Lệ Thủy ở mức BĐ2-BĐ3. Tổng lượng dòng chảy từ tháng 7-8/2025, trên các sông từ Quảng Trị đến TP. Huế cao hơn TBNN cùng kỳ từ 38-145%, sông Bến Hải (Quảng Trị) tại trạm Gia Vòng thấp hơn 17%.

Tháng 09-12/2025, trên các sông đã xuất hiện 4-5 đợt lũ, các đợt lũ nhỏ và vừa xảy ra từ ngày 28-30/9 và từ ngày 21-25/10; các đợt lũ lớn và đặc biệt lớn từ ngày 26-31/10, từ ngày 01-05/11 và từ ngày 16-20/11. Đợt lũ từ ngày 26-31/10 và từ ngày 01-05/11, trên sông Bồ và sông

Hương (TP Huế) xuất hiện lũ đặc biệt lớn, đỉnh lũ trên sông Bồ tại trạm Phú Ốc 5,31m (13h/03/11), trên BĐ3 0,81m, vượt lũ lịch sử năm 2020 (5,24m), trên sông Hương tại trạm Kim Long 5,05m (20h/27/10), trên BĐ3 1,55m, các sông khác ở mức BĐ2-BĐ3 và trên mức BĐ3. Tổng lượng dòng chảy trên các sông cao hơn TBNN cùng kỳ từ 44-100%, riêng các sông phía bắc Quảng Trị cao hơn khoảng 15%.

Tháng 01-06/2026, dòng chảy trên các sông ít biến đổi. Tổng lượng dòng chảy trên các sông ở mức thấp hơn so với TBNN cùng kỳ 12-68%, riêng trạm Thượng Nhật trên sông Tả Trạch cao hơn 212%.

b. Dự báo, cảnh báo

- Tổng lượng mưa: Thanh Hóa-Nghệ An phổ biến 1500-2500mm, riêng khu vực từ Hà Tĩnh đến Huế phổ biến 2000-4000mm, có nơi cao hơn.

- Tổng lượng dòng chảy:

+ Các sông từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh:

Từ tháng 7-9/2026, trên các sông ở Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh có khả năng xuất hiện 1-2 đợt lũ. Lưu lượng trên các sông tăng dần. Tổng lượng dòng chảy trên các sông ở Thanh Hóa thấp hơn từ 10-50%; các sông ở Nghệ An thấp hơn từ 30-65%; các sông ở Hà Tĩnh: sông Ngàn Phố thấp hơn từ 30-90%, sông Ngàn Sâu thấp hơn từ 25-55%

Từ tháng 10-12/2026, các sông ở Nghệ An, Hà Tĩnh khả năng xuất hiện 2-3 đợt lũ và một số đợt dao động trong tháng 10-11/2026, các sông ở Thanh Hóa biến đổi chậm theo xu thế xuống dần. Tổng lượng dòng chảy các tháng từ 10-12/2025, trên các sông ở Thanh Hóa cao hơn TBNN cùng kỳ khoảng 10-15% trong tháng 10-11 và cao hơn 10% trong tháng 12; các sông ở Nghệ An thấp hơn từ 25-65%; các sông ở Hà Tĩnh: Sông Ngàn Sâu cao hơn từ 20-35%; Sông Ngàn Phố thấp hơn 15-45%.

Từ tháng 01-7/2027: Lưu lượng dòng chảy trên các sông giảm dần từ tháng 1-4/2027 và tăng trở lại trong các tháng 5-7/2027. Tổng lượng dòng chảy trên các sông ở Thanh Hóa ở mức xấp xỉ TBNN cùng kỳ; các sông ở Nghệ An thấp hơn từ 5-35%; các sông ở Hà Tĩnh: sông Ngàn Sâu thấp hơn TBNN từ 10-15% trong các tháng từ 1-3 và cao hơn từ 5-22% trong các tháng từ 4-7, sông Ngàn Phố thấp hơn từ 59- 96%.

+ Các sông từ Quảng Trị đến TP. Huế:

Tháng 07-08/2026, mực nước trên các sông có dao động. Từ tháng 09-12/2026, trên các sông có khả năng xuất hiện 3-5 đợt lũ và dao động. Lưu lượng dòng chảy được bổ sung và tăng cao hơn. Từ tháng 01-06/2027, dòng chảy trên các sông ít biến đổi và giảm dần.

Tổng lượng dòng chảy năm thấp hơn TBNN cùng kỳ từ 10-26%, riêng sông Tả Trạch tại trạm Thượng Nhật cao hơn 58%.

4. Các lưu vực sông thuộc khu vực Nam Trung Bộ

a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua

- Tổng lượng mưa: Phía Bắc từ 3000-5000mm, riêng Trà My 6592mm, phía Nam: phổ biến từ 1700-2200mm, có nơi cao hơn; như tại Tuy Hòa 2631mm, ...

- Tổng lượng dòng chảy:

+ Các sông từ TP. Đà Nẵng đến Quảng Ngãi:

Từ tháng 07-08/2025, trên các sông dòng chảy đã xuất hiện 2 đợt dao động vào các ngày từ 02-04/7 và từ ngày 26-28/8. Tổng lượng dòng chảy từ tháng 07-08/2025 ở mức cao hơn

TBNN cùng kỳ từ 165-179%, sông Vu Gia (TP Đà Nẵng) và sông Vệ (Quảng Ngãi) thấp hơn từ 30-49%.

+ Tháng 09-12/2025, trên các sông đã xuất hiện 4-5 đợt lũ, các đợt lũ nhỏ và vừa xảy ra từ ngày 28-30/9, từ ngày 06-08/11 và từ ngày 03-06/12; các đợt lũ lớn và đặc biệt lớn từ ngày 26-31/10, từ ngày 01-05/11. Đợt lũ từ ngày 26-31/10, trên sông Vu Gia-Thu Bồn (TP. Đà Nẵng) xuất hiện lũ đặc biệt lớn, đỉnh lũ trên sông Vu Gia tại trạm Ái Nghĩa 10,60m (19h/29/10), trên BĐ3 1,60m, trên sông Thu Bồn tại trạm Cầu Lâu 5,62m (02h/30/10), trên BĐ3 1,62m, vượt lũ lịch sử năm 1964 (5,48m), đỉnh lũ sông Trà Khúc tại trạm Trà Khúc và sông Vệ tại trạm Sông Vệ (Quảng Ngãi) cao hơn BĐ3 từ 0,38-1,37m. Tổng lượng dòng chảy ở mức cao hơn TBNN cùng kỳ từ 20-68%, riêng sông Vệ (Quảng Ngãi) tại trạm An Chỉ thấp hơn khoảng 70%. Tháng 01-06/2026, dòng chảy trên các sông cao hơn từ 20-31% so với TBNN cùng kỳ, riêng trạm Thành Mỹ trên sông Vu Gia và trạm An Chỉ trên sông Vệ thấp hơn 62-78%.

+ Các sông từ Gia Lai đến Khánh Hòa:

Từ tháng 7 đến tháng 8/2025, lưu lượng dòng chảy trên các sông biến đổi chậm, theo xu thế xuống dần. Từ tháng 9 đến tháng 12/2025, trên các sông thuộc lưu vực đã xuất hiện các đợt lũ lớn và đặc biệt lớn. Mực nước đỉnh lũ trên sông Lũy (Lâm Đồng), sông Kỳ Lộ (Đắk Lắk), sông Dinh Ninh Hòa (Khánh Hòa), sông Ba (Đắk Lắk) và sông Cam Ly (Lâm Đồng) đều trên mức lũ lịch sử, các sông khác ở mức BĐ2-BĐ3. Lưu lượng dòng chảy trên các sông tăng trong thời kỳ này. Từ tháng 01 đến tháng 6/2026 lưu lượng dòng chảy trên các sông biến đổi chậm với xu thế giảm dần.

Tổng lượng trên sông Ba tại trạm Củng Sơn cao hơn 22%, sông Cái Nha Trang tại trạm Đồng Trăng cao hơn 26% so với TBNN.

b. Dự báo, cảnh báo

- Tổng lượng mưa: Phía Bắc 2000-4000mm, có nơi cao hơn; phía Nam 1000-2000mm.

- Tổng lượng dòng chảy:

+ Các sông từ TP. Đà Nẵng đến Quảng Ngãi:

Tháng 07-08/2026, mực nước trên các sông có dao động. Tháng 09-12/2026, trên các sông có khả năng xuất hiện 3-5 đợt lũ. Lưu lượng dòng chảy được bổ sung và tăng cao. Từ tháng 01-06/2027, dòng chảy trên các sông ít biến đổi và giảm dần.

Tổng lượng dòng chảy năm trên các sông ở mức cao hơn TBNN cùng kỳ từ 10-72%.

+ Các sông từ Gia Lai đến Khánh Hòa:

Từ tháng 7-8/2026, lưu lượng dòng chảy trên các sông biến đổi chậm và sẽ xuất hiện dao động nhỏ. Từ tháng 9-12/2026, trên các sông ở trong khu vực có khả năng xuất hiện từ 3-5 đợt lũ, tổng lượng dòng chảy tăng. Từ tháng 1-6/2027 dòng chảy trên các sông có xu thế giảm dần.

Tổng lượng dòng chảy từ tháng 07/2026 đến tháng 6/2027, trên sông Ba tại Củng Sơn thấp hơn 66%, sông Cái Nha Trang tại Đồng Trăng thấp hơn 16% so với TBNN.

5. Lưu vực sông Mê Công

a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua

- Tổng lượng mưa: Phổ biến từ 1500-2200mm

- Tổng lượng dòng chảy:

+ <i>Sông Sê San, Srepok:</i> Từ tháng 7-9/2025, trên sông Krông Ana xuất hiện 3 đợt dao động với biên độ từ 1,63-3,30m; hạ lưu sông Srêpôk xuất hiện 3 đợt lũ nhỏ và vừa do ảnh hưởng của điều tiết thủy điện tuyến trên, đỉnh lũ cao nhất tại trạm Bản Đôn lên mức BĐ2; các sông khác phổ biến dao động theo điều tiết của hồ chứa thủy điện. Lưu lượng dòng chảy đến các sông trên lưu vực Sê San và Srêpôk phổ biến dao động theo xu thế tăng dần. Tổng lượng dòng chảy trên các sông phổ biến ở mức xấp xỉ và thấp hơn TBNN cùng kỳ từ 30-67%, riêng sông Pô Kô và Đăk Tô Kan thuộc lưu vực sông Sê San tổng lượng dòng chảy cao hơn so với TBNN cùng kỳ từ 26-38%. Trong các tháng mùa lũ từ tháng 10-12/2025, trên các sông thuộc lưu vực Sê San và Srêpôk đã xuất hiện 2-3 đợt lũ vừa và lớn, biên độ trong các trận lũ lớn từ 3,34-7,63m; đỉnh lũ trên các sông ở mức BĐ2-BĐ3, có sông trên BĐ3. Tổng lượng dòng chảy trên các sông phổ biến ở mức tương đương và cao hơn TBNN cùng kỳ từ 26-81%, riêng hạ lưu sông Đăkbla thuộc lưu vực sông Sê San tổng lượng dòng chảy thấp hơn so với TBNN cùng kỳ khoảng 71%. Từ tháng 1-3/2026, lưu lượng dòng chảy các sông trên khu vực biến đổi theo xu thế giảm dần. Tổng lượng dòng chảy trên lưu vực sông Sê San ở mức xấp xỉ và thấp hơn TBNN cùng kỳ từ 45-60%, các sông lưu vực Srêpôk phổ biến cao hơn TBNN từ 9-16%; riêng sông Krông Búk, Ea Krông tổng lượng dòng chảy cao hơn TBNN từ 108-125%. Từ tháng 4-6/2026, lưu lượng dòng chảy trên các sông ít biến đổi. Tổng lượng dòng chảy phổ biến thấp hơn TBNN cùng kỳ từ 20-76%; riêng sông Krông Búk, Ea Krông tổng lượng dòng chảy cao hơn TBNN từ 47-69%. + <i>Sông Cửu Long:</i> Tổng lượng dòng chảy tháng 7 đến tháng 10/2025 về đầu nguồn sông Cửu Long ở mức cao hơn TBNN từ 40-80%. Từ cuối tháng 10, tổng lượng dòng chảy với xu thế xuống dần. Tổng lượng dòng chảy tháng 11 và tháng 12/2025 về đầu nguồn sông Cửu Long ở mức cao hơn TBNN từ 50-70%, từ tháng 1-5/2026 cao hơn TBNN từ 15-45%, từ tháng 6 đến 14/7 thấp hơn TBNN 15%.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
- Tổng lượng mưa: Phổ biến từ 1000-2000mm, có nơi cao hơn.
- Tổng lượng dòng chảy: + <i>Sông Sê San, Srepok:</i> Từ tháng 7-9/2026, lưu lượng dòng chảy trên các sông biến đổi theo xu thế tăng dần. Tổng lượng dòng chảy các sông ở mức xấp xỉ và thấp hơn TBNN cùng kỳ từ 12-73%; riêng sông Ea Krông, sông Đăk Nông cao hơn TBNN cùng kỳ từ 29-110% do ảnh hưởng của hồ chứa thủy điện. Từ tháng 10-12/2026, trên các sông chính có khả năng xuất hiện 2-3 đợt lũ. Tổng lượng dòng chảy trên các sông phổ biến cao hơn TBNN cùng kỳ từ 13-42%; sông Krông Ana ở mức tương đương TBNN; riêng sông Đăkbla lưu lượng dòng chảy thấp hơn từ 26-62% so với TBNN. Từ tháng 1-3/2027 dòng chảy trên các sông biến đổi theo xu thế giảm dần. Tổng lượng dòng chảy trên các sông lưu vực Sê San phổ biến thấp hơn TBNN cùng kỳ 11-59%;

các sông còn lại ở mức tương đương và cao hơn từ 42-45%; một số sông do ảnh hưởng của hồ chứa nên ở mức cao hơn nhiều như Krông Búk, Ea Krông và Đăk Nông. Từ tháng 4-6/2027, lưu lượng dòng chảy trên các sông biến đổi theo xu thế tăng dần. Tổng lượng dòng chảy trên các sông ở mức xấp xỉ và thấp hơn TBNN cùng kỳ từ 30-67%, riêng sông Krông Búk, Ea Krông cao hơn từ 40-77% so với TBNN.

Tổng lượng dòng chảy năm trên sông Đăk Bla tại trạm Kon Tum thấp hơn TBNN cùng kỳ 64%, trên sông Srêpôk tại trạm Giang Sơn ở mức tương đương TBNN.

+ *Sông Cửu Long:*

Tổng lượng dòng chảy về đầu nguồn sông Cửu Long từ tháng 7 đến tháng 10 với xu thế tăng dần. Trong tháng 7 tổng lượng dòng chảy ở mức thấp hơn TBNN từ 5-10%; từ tháng 8 đến tháng 10 phổ biến ở mức thấp hơn TBNN từ 7-10%; từ tháng 11 đến tháng 1/2027 tổng lượng dòng chảy ở mức thấp hơn TBNN từ 8-12%; từ tháng 2 đến tháng 5 ở mức thấp hơn TBNN từ 10-20%; tháng 6 tổng lượng dòng chảy biến đổi với xu thế tăng dần và ở mức thấp hơn TBNN từ 5-10%.

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: ngày 15/10/2026

Tin phát lúc: 15h00'

**Người chịu trách nhiệm
ban hành bản tin**



Phùng Tiến Dũng

Phụ lục

Phụ lục 1: Bảng trị số tổng lượng nước thực đo và dự báo các trạm

Bảng 1.1: Tổng lượng mưa dự báo từ tháng 7/2026 đến tháng 6/2027

Lưu vực	Trạm	Thực đo trong 1 năm qua (mm)	So sánh với TBNN (%)	Dự báo trong 1 năm tới (mm)	So sánh với TBNN (%)
Lưu vực sông Hồng	Tam Đường	2337	<4	1800-2500	Xấp xỉ
	Sơn La	1430	>3	1100-1700	Xấp xỉ
	Hòa Bình	2165	>19	1700-2400	>5-10
	Lào Cai	2218	>28	1700-2400	>5-10
	Yên Bái	2113	>16	1700-2400	>5-10
	Tuyên Quang	2156	>34	1800-2500	>5-10
	Hà Giang	2962	>25	2000-3000	>5-10
	Láng	2513	>52	1700-2400	>5-15
	Thái Bình	2096	>36	1300-2200	>5-15
	Nam Định	1813	>12	1200-2100	Xấp xỉ
Lưu vực sông Thái Bình	Bắc Cạn	2161	>49	1200-2100	>5-10
	Thái Nguyên	2356	>29	1400-2300	>5-10
	Bắc Ninh	1911	>19	1400-2300	>5-10
	Lạng Sơn	1665	>29	1000-2000	>5-10
	Bắc Giang	1842	>24	1000-2000	>5-10
	Hải Dương	1635	>9	1000-2000	>5-10
Lưu vực sông thuộc khu vực Bắc Trung Bộ	Hồi Xuân	2288	>33	1300-2300	>5-10
	Bái Thượng	3116	>66	1500-2500	>5-10
	Thanh Hóa	2266	>39	1500-2500	>5-10
	Quỳ Châu	2411	>47	1500-2500	>5-10
	Cửa Rào	1887	>48	1000-2000	>5-10
	Đô Lương	2472	>38	1200-2200	>5-10
	Vinh	2919	>45	1400-2400	>5-10
	Hương Sơn	2726	>30	1200-2200	>5-10
	Hương Khê	3060	>28	1700-2700	Xấp xỉ
	Hà Tĩnh	3472	>31	2000-3000	Xấp xỉ
	Đồng Hới	2916	>39	1800-2800	Xấp xỉ
	Quảng Trị	2940	>22	1800-2800	Xấp xỉ
	Nam Đông	5803	>49	3200-4500	Xấp xỉ
	Huế	4694	>49	3000-4200	Xấp xỉ
Lưu vực sông	Đà Nẵng	3120	>30	2000-3000	Xấp xỉ

Lưu vực	Trạm	Thực đo trong 1 năm qua (mm)	So sánh với TBNN (%)	Dự báo trong 1 năm tới (mm)	So sánh với TBNN (%)
thuộc khu vực Nam Trung Bộ	Trà My	6592	>54	3200-4500	<5-10%
	Ba Tơ	4064	>6	3200-4500	<5-10%
	Quảng Ngãi	2941	>12	2300-3300	<5-10%
	Quy Nhơn	2231	>14	1400-2400	<5-10%
	An Khê	1825	>8	1100-2100	<5-10%
	Tuy Hòa	2631	>24	1200-2200	<5-10%
	Nha Trang	1760	>17	1000-2000	<5-10%
Lưu vực sông Mê Công	Kon Tum	2059	>9	1200-2200	<5-10%
	Lắk	2160	>13	1200-2200	<5-10%
	Buôn Mê Thuột	1797	<2	1000-2000	<5-10%
	Biên Hòa	1982	>4	1200-2200	<5-10%
	Cần Thơ	1592	>0	800-1800	<5-10%

Bảng 1.2: Tổng lượng nước dự báo từ tháng 7/2026 đến tháng 6/2027

Sông	Trạm	Thực đo (triệu m ³)	So sánh TBNN (%)	Dự báo (triệu m ³)	So sánh TBNN (%)
Đà	Hồ Hòa Bình	57201	> 5%	49196	< 10%
Thao	Yên Bái	10628	< 40%	10407	< 42%
Lô	Tuyên Quang	13624	< 40%	12299	< 46%
Cầu	Gia Bảy	5046	> 180%	2838	> 58%
Lục Nam	Chũ	2649	> 91%	1892	> 36%
Hồng	Hà Nội	79029	> 24%	72533	> 14%
Mã	Cẩm Thủy	15875	> 35%	10101	< 13%
Cả	Yên Thượng	16071	TBNN	9308	< 42%
La	Hòa Duyệt	4245	> 22%	2568	< 26%
Tả Trách	Thượng Nhật	1229	> 165%	823	> 69%
Thu Bồn	Nông Sơn	14786	> 56%	8100	< 16%
Trà Khúc	Sơn Giang	10422	> 63%	5290	< 13%
Ba	Củng Sơn	2305	> 26%	1535	< 16%
Cái NT	Đồng Trăng	2563	> 67%	2144	> 36%
ĐăkBlá	Kon Tum	908	< 66%	958	< 64%
Srêpôk	Giang Sơn	3119	> 24%	2433	~ TBNN

Sông	Trạm	Thực đo (triệu m ³)	So sánh TBNN (%)	Dự báo (triệu m ³)	So sánh TBNN (%)
Tiền	Tân Châu			275550	< 15%
Hậu	Châu Đốc			51900	< 20%

Phụ lục 2: Bản đồ phân bố hiện trạng nguồn nước
từ tháng 7/2026 đến tháng 6/2027

